

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NINH HÒA
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2018/HS-ST
Ngày 21-9-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phạm Thùy My**
Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Nguyễn Lơn**
Bà Bùi Thị Truyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Ngô Bảo Nhật Linh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19 đến 21 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 25/2018/TLST-HS ngày 24 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2018/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 5 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Huỳnh H - Sinh năm: 197 ; nơi sinh: Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa; nơi cư trú: đường H, phường L, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa; chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã V, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: không. Nghề nghiệp: Không. Trình độ văn hóa: 09/12; Con ông: Huỳnh P (chết) và bà: Đỗ A, sinh năm 19 ; có vợ là: Phạm H, sinh năm: 19 ; có 01 con sinh năm 200 ; tiền sự: Không; tiền án: Tại Bản án số 75/HS-ST ngày 25/7/199 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, xử phạt 08 năm tù về các tội “Trộm cắp tài sản của công dân”, “Trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa” và “Trốn khỏi nơi giam”. Trong quá trình thi hành án Huỳnh H trốn khỏi nơi giam và phạm tội mới. Bản án số 434 ngày 25/9/199 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân Tối cao tại Đà Nẵng xử phạt 11 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân” và “Trốn khỏi nơi giam”. Tổng hợp với bản án trước thành hình phạt chung là 18 năm 06 tháng 02 ngày tù. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 29/9/2007, hiện tại chưa thi hành xong bản án (phần án phí và sung công). Bản án số 111/2010/HSPT ngày 28/6/201 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xử phạt 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 09/12/2013, ngày 09/10/2017 chấp hành xong phần án phí. Nhân thân: Bản án số 100/HSST ngày 24/10/198 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 08/4/199 , đã thi hành xong án phí và đưa vào lưu trữ tháng 10/201 . Ngày 13/6/201 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Nha

Trang, tỉnh Khánh Hòa khởi tố bị can về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 10/8/2011 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên khởi tố bị can về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 27/9/2011 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Quy Nhơn, Bình Định khởi tố bị can về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 11/10/2011 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa khởi tố bị can về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo đang bị tạm giam trong vụ án khác tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa; có mặt tại phiên tòa.

2. Lê C - Sinh năm: 196 ; nơi sinh: Phú Hòa, Phú Yên; nơi cư trú và chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã H, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Không. Trình độ văn hóa: 06/12; Con ông: Lê H, sinh năm 193 và bà: Nguyễn Y (chết); có vợ là: Nguyễn L, sinh năm: 196 (đã ly hôn); có 02 con: con lớn sinh năm 199 , con nhỏ sinh năm 199 . Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Bản án số 23/199 /HSST ngày 04/6/199 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”. Bản án số 17/200 /HSST ngày 13/3/200 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Bản án số 02/201 /HSST ngày 12/01/201 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Bản án số 189/201 /HSST ngày 19/9/201 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, xử phạt 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Bản án số 19/201 /HSST ngày 24/01/201 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa xử phạt 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 10/8/2011 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên khởi tố bị can về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 11/10/2011 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa khởi tố bị can về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo đang bị tạm giam trong vụ án khác tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa; có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn T - Sinh năm: 197 ; nơi sinh: Bình Định; nơi cư trú và chỗ ở hiện nay: phường N, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Buôn bán. Trình độ văn hóa: 06/12. Con ông: Nguyễn A (chết) và bà: Trần B, sinh năm: 194); có vợ là: Võ T, sinh năm: 198 ; có 02 con: con lớn sinh năm 199 , con nhỏ sinh năm 200 . Tiền án: không; tiền sự: Không. Nhân thân: Bản án số 45/HSST/199 ngày 22/7/199 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xử phạt 16 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”. Bản án số 486/HSPT ngày 13/10/199 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân Tối cao tại Đà Nẵng xử phạt 05 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”. Bản án số 50/HSST ngày 20/4/199 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”. Bản án số 155/201 /HSST ngày 18/10/201 của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xử phạt 01 năm tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Ngày 10/8/2011 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên khởi tố bị can về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 27/9/2011 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an

thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định khởi tố bị can về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 11/10/2011 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa khởi tố bị can về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

1. Ông Hồ N - sinh năm 197 ; vắng mặt tại phiên tòa;

2. Bà Phạm L, sinh năm 198 ; vắng mặt tại phiên tòa;

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã N, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Cao D, sinh năm 199 ; có đơn xin xét xử vắng mặt;

Địa chỉ: Thôn B, thị trấn E, huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

Người làm chứng:

1. Anh Phạm T, sinh năm 198 ; vắng mặt tại phiên tòa;

Địa chỉ: Thôn T, xã N, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

2. Nguyễn B, sinh năm 196 ; vắng mặt tại phiên tòa;

Địa chỉ: phường L, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

3. Nguyễn L1, sinh năm 197 ; vắng mặt tại phiên tòa;

Địa chỉ: Thôn M, xã N, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

4. Ông Trần P, sinh năm 196 ; vắng mặt tại phiên tòa;

Địa chỉ: Thôn 1, xã N, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản cáo trạng số: 23/CT-VKS-NH ngày 22 tháng 3 năm 2011 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, các bị cáo bị truy tố như sau:

Ngày 27/11/2011, Huỳnh H, Nguyễn T, Lê C, Nguyễn H1 rủ nhau ra thị xã Ninh Hòa bằng 02 xe mô tô, đến khoảng 02 giờ ngày 28/11/2011, thì T chở H, C chở H1 về lại Nha Trang. Khi đến đoạn Quốc lộ 1A thuộc thôn T, xã N, thị xã Ninh Hòa, H thấy xe mô tô biển kiểm soát 79H1-385... để trong sân nhà bà Phạm L không có người trông coi. H bảo T dừng lại để trộm cắp và ra hiệu cho C, H1 đang đi sau dừng lại. H vào trong sân lấy trộm, còn những người khác hiểu ý nên tản ra để cảnh giới. Sau khi H dùng chìa khóa tự tạo mang sẵn mở khóa xe của bà L rồi dắt ra ngoài nổ máy chạy đi thì tất cả cùng đi theo. Khi về đến Nha Trang gặp nhau, thì H nói với T, C và H1 để H kiểm chỗ bán xe, sau đó điều khiển xe vào thành phố Hồ Chí Minh bán cho một người không rõ lai lịch với số tiền 11.000.000 đồng, trừ chi phí còn lại H chia đều cho mỗi người hơn 2.000.000 đồng tiêu xài cá nhân.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 155/KL-HĐĐG ngày 29/12/2011 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã Ninh Hòa xác định giá trị xe mô tô bị trộm cắp là 41.120.000 đồng.

Theo cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa đã truy tố bị cáo Huỳnh H phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 và các bị cáo Nguyễn T, Lê C phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự 1999.

Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa giữ nguyên quan điểm truy tố như nội dung bản cáo trạng, đề nghị Hội

đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo Huỳnh H, xử phạt bị cáo Huỳnh H từ 03 năm – 03 năm 6 tháng tù; Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo Lê C, xử phạt bị cáo Lê C từ 01 năm 06 tháng – 02 năm tù; Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo Nguyễn T, xử phạt bị cáo Nguyễn T từ 01 năm – 01 năm 06 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Cao D có đơn yêu cầu bồi thường số tiền 30.000.000 đồng, trong đó mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền 10.000.000 đồng. Tại phiên tòa, các bị cáo Huỳnh H, Lê C, Nguyễn T đều đồng ý bồi thường số tiền trên cho ông Cao D nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện bồi thường giữa các bị cáo với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Ngày 19 tháng 9 năm 201 , bị cáo Nguyễn T đã tự nguyện nộp số tiền 2.000.000 đồng vào Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa để bồi thường thiệt hại cho ông Cao D. Do vậy, bị cáo T còn phải bồi thường 8.000.000 đồng.

Bị hại ông Hồ N và bà Phạm L đều vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tách thành vụ kiện dân sự khác khi có đơn yêu cầu.

Về vật chứng: 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 79H1-385... do bà Phạm L đứng tên chủ sở hữu đã trả lại cho chủ nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục:

Tại phiên tòa, vắng mặt bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng nhưng xét thấy họ đã có lời khai trong hồ sơ vụ án. Việc vắng mặt họ không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 292 và Điều 293 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa, các bị cáo Huỳnh H, Lê C, Nguyễn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, bản kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở kết luận: Lợi dụng sơ hở trong quản lý tài sản của chủ sở hữu các bị cáo Huỳnh H, Lê C, Nguyễn T đã lén lút trộm cắp xe mô tô biển kiểm soát 79H1-385... với giá trị là 41.120.000 đồng của bà Phạm L nên hành vi của các bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999. Do đó, Bản cáo trạng số 23/CT-VKS-NH ngày 22 tháng 3 năm 201 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa đã truy tố các bị cáo về tội danh trên là có căn cứ, đúng người và đúng tội. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến sở hữu tài sản của người khác và gây ảnh hưởng đến an toàn, trật tự công cộng nên cần xử lý nghiêm. Tuy nhiên, đây chỉ là vụ án đồng phạm giản đơn, tính chất, mức độ phạm tội, vai trò và nhân

thân của từng bị cáo là khác nhau. Đánh giá tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội, vai trò, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của từng bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

+ Đối với bị cáo Huỳnh H: Bị cáo là người thực hành tích cực, trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, chủ động rủ bị cáo C và T thực hiện. Bản thân bị cáo đã nhiều lần bị xử phạt tù, có 02 tiền án về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích nhưng vẫn tiếp tục phạm tội. Điều đó cho thấy bị cáo rất coi thường pháp luật và các biện pháp giáo dục, cải tạo không có tác dụng đối với bị cáo. Vì vậy, cần áp dụng điểm c (Tái phạm nguy hiểm) khoản 2 Điều 138 BLHS xử phạt bị cáo mức án cao hơn các bị cáo khác và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm cho bị cáo thấy được tính nghiêm minh của pháp luật. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, tài sản đã được thu hồi trả lại cho chủ sở hữu nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS, giảm nhẹ một phần hình phạt để bị cáo an tâm cải tạo thành người có ích cho xã hội.

+ Đối với bị cáo Lê C: Khi được bị cáo H rủ đi trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài bị cáo đồng ý ngay, bị cáo là người giúp sức với vai trò cảnh giới để bị cáo H thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, khi lượng hình cần xem xét áp dụng mức hình phạt của bị cáo C thấp hơn bị cáo H; về nhân thân bị cáo C đã nhiều lần bị Tòa án xử phạt tù nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học mà tiếp tục phạm tội nên cần xử lý nghiêm và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung tội phạm, nhằm cho bị cáo thấy được tính nghiêm minh của pháp luật. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, tài sản đã được thu hồi trả lại cho chủ sở hữu nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS, giảm nhẹ một phần hình phạt để bị cáo an tâm cải tạo thành người có ích cho xã hội.

+ Đối với bị cáo Nguyễn T: Khi được bị cáo H rủ đi trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài bị cáo đã đồng ý, bị cáo đứng bên ngoài với vai trò cảnh giới để bị cáo H thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, khi lượng hình cần xem xét áp dụng mức hình phạt của bị cáo, T thấp hơn bị cáo H; về nhân thân bị cáo đã nhiều lần bị Tòa án xử phạt tù nên cần xử lý nghiêm và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục và phòng ngừa chung tội phạm, nhằm cho bị cáo thấy được tính nghiêm minh của pháp luật. Tuy nhiên, tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, tài sản đã được thu hồi trả lại cho chủ sở hữu và bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại với số tiền 2.000.000 đồng nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS, giảm nhẹ một phần hình phạt để bị cáo an tâm cải tạo thành người có ích cho xã hội.

Trong vụ án này, Nguyễn H1 đã đi khỏi địa phương và không biết đang ở đâu nên chưa thu thập được, cơ quan điều tra đã ra thông báo truy tìm. Khi nào làm việc được có đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

Về trách nhiệm dân sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Cao D có đơn yêu cầu bồi thường số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng), trong đó mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Bị cáo

Huỳnh H, Lê C, Nguyễn T đều đồng ý bồi thường số tiền trên cho ông Cao D nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện bồi thường giữa các bị cáo với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Vào ngày 19 tháng 9 năm 201 , bị cáo Nguyễn T đã tự nguyện nộp số tiền 2.000.000 đồng vào Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa để bồi thường thiệt hại cho ông Cao D. Do vậy, bị cáo T còn phải bồi thường 8.000.000 đồng.

Bị hại ông Hồ N và bà Phạm L đều vắng mặt nên Hội đồng xét xử tách thành vụ kiện dân sự khác khi có đơn yêu cầu.

Về vật chứng: 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 79H1-385... do bà Phạm L đứng tên chủ sở hữu đã trả lại cho chủ nên Hội đồng xét xử không xét.

Về án phí: Các bị cáo Huỳnh H, Lê C, Nguyễn T mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999;

Căn cứ vào Điều 584, Điều 585 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử phạt: Bị cáo Huỳnh H 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999;

Căn cứ vào Điều 584, Điều 585 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử phạt: Bị cáo Lê C 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 138; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999;

Căn cứ vào Điều 584, Điều 585 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn T 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự:

Ghi nhận sự tự nguyện bồi thường giữa các bị cáo Huỳnh H, Lê C, Nguyễn T đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Cao D; mỗi bị cáo phải bồi thường cho ông D số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Bị cáo Nguyễn T đã tự nguyện bồi thường số tiền 2.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số

AA/2016/0003375 ngày 19 tháng 9 năm 201 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa, do đó bị cáo T còn phải bồi thường 8.000.000 đồng.

Tách yêu cầu bồi thường thiệt hại thành vụ kiện dân sự khác khi bị hại ông Hồ N và bà Phạm L có đơn yêu cầu.

Về án phí:

Bị cáo Huỳnh H, Lê C mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Quy định chung: Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm chậm trả.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án dân sự theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- Cơ quan CSĐT Công an thị xã Ninh Hòa;
- Cơ quan THAHS Công an thị xã Ninh Hòa;
- Trại tạm giam;
- Chi cục THADS thị xã Ninh Hòa;
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Ấn văn, Hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký và đóng dấu)

Phạm Thùy My